BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

## Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

*Thời gian: 13h30 ngày 04/08/2024*

| STT | SBD | HỌ | TÊN | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH | NƠI SINH | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B00191 | Nguyễn Thị | An | Nữ | 01.01.1979 | Quảng Ninh | | |
| 2 | B00192 | Nguyễn Thanh | An | Nữ | 07.12.2005 | Nghệ An | | |
| 3 | B00193 | Lê Tú | Anh | Nam | 02.01.2000 | Nam Định | | |
| 4 | B00194 | Phan Đức | Anh | Nam | 12.03.2001 | Nghệ An | | |
| 5 | B00195 | Bạch Đức | Anh | Nam | 22.01.2002 | Hà Tây | | |
| 6 | B00196 | Hoàng Tuấn | Anh | Nam | 05.04.1992 | Hà Nam | | |
| 7 | B00197 | Mai Thiên Quang | Anh | Nam | 18.11.2000 | Thanh Hóa | | |
| 8 | B00198 | Nguyễn Thị Vân | Anh | Nữ | 25.12.2002 | Tuyên Quang | | |
| 9 | B00199 | Nguyễn Minh | Anh | Nữ | 22.05.2001 | Hà Nội | | |
| 10 | B00200 | Trần Thị Vân | Anh | Nữ | 12.07.1985 | Nam Định | | |
| 11 | B00201 | Nguyễn Ngọc | Anh | Nữ | 30.05.2002 | Hà Nội | | |
| 12 | B00202 | Mai Quỳnh | Anh | Nữ | 29.12.2002 | Thanh Hóa | | |
| 13 | B00203 | Phạm Việt | Anh | Nam | 14.11.1977 | Hà Nội | | |
| 14 | B00204 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh | Nữ | 26.09.2001 | Bắc Giang | | |
| 15 | B00205 | Trần Xuân | Bách | Nam | 10.02.2002 | Nam Định | | |
| 16 | B00206 | Mai Thanh | Bình | Nữ | 26.09.2000 | Hà Nội | | |
| 17 | B00207 | Vũ Linh | Chi | Nữ | 10.02.2002 | Phú Thọ | | |
| 18 | B00208 | Nguyễn Mai Thị | Chi | Nữ | 05.02.2000 | Ninh Bình | | |
| 19 | B00209 | Nguyễn Thị Thùy | Chi | Nữ | 03.01.2002 | Ninh Bình | | |
| 20 | B00210 | Trương Thị Kim | Chi | Nữ | 02.06.1999 | Hà Nội | | |
| 21 | B00211 | Nguyễn Bảo | Chi | Nữ | 27.08.2002 | Tuyên Quang | | |
| 22 | B00212 | Lê Thị Việt | Chinh | Nữ | 24.03.1996 | Hà Nội | | |
| 23 | B00351 | Nguyễn Tiến | Đạt | Nam | 18.12.1999 | Lào Cai | | |
| 24 | B00352 | Đào Thị Sông | Hương | Nữ | 07.04.2002 | Hà Nam | | |

Số thí sinh theo danh sách: 24

Số thí sinh dự thi:

*Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……*

**Giám thị 1**
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

## Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

*Thời gian: 13h30 ngày 04/08/2024*

| STT | SBD | HỌ | TÊN | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH | NƠI SINH | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B00213 | Dương Thị Thanh | Chúc | Nữ | 03.04.2002 | Thái Nguyên | | |
| 2 | B00214 | Vũ Mạnh | Chung | Nam | 22.02.2002 | Quảng Ninh | | |
| 3 | B00215 | Nguyễn Đạt | Cường | Nam | 05.09.2002 | Tuyên Quang | | |
| 4 | B00216 | Vũ Hải | Cường | Nam | 26.07.1998 | Nam Định | | |
| 5 | B00217 | Vũ Tiến | Đạt | Nam | 16.09.2002 | Hưng Yên | | |
| 6 | B00218 | Bùi Tiến | Đạt | Nam | 05.02.2002 | Thái Nguyên | | |
| 7 | B00219 | Nguyễn Hoàng Lệ | Diễm | Nữ | 14.10.2002 | Hà Tây | | |
| 8 | B00220 | Nguyễn Minh | Đức | Nam | 19.02.2002 | Phú Thọ | | |
| 9 | B00221 | Trịnh Văn | Đức | Nam | 21.09.2002 | Thanh Hóa | | |
| 10 | B00222 | Bùi Anh | Dũng | Nam | 28.06.1998 | Sơn La | | |
| 11 | B00223 | Lê Hồng | Duyên | Nữ | 09.04.2002 | Thái Nguyên | | |
| 12 | B00224 | Chu Thị Hương | Giang | Nữ | 16.03.2002 | Bắc Giang | | |
| 13 | B00225 | Trần Xuân | Giang | Nam | 08.03.1994 | Nam Định | | |
| 14 | B00226 | Bùi Thị Khánh | Hà | Nữ | 10.11.2002 | Thái Bình | | |
| 15 | B00227 | Phùng Thị | Hà | Nữ | 05.01.2002 | Nghệ An | | |
| 16 | B00228 | Lê Hồng | Hà | Nam | 03.03.1982 | Nghệ An | | |
| 17 | B00229 | Đỗ Thị | Hà | Nữ | 09.04.1984 | Bắc Ninh | | |
| 18 | B00230 | Lê Thị | Hạ | Nữ | 19.03.2002 | Quảng Ninh | | |
| 19 | B00231 | Nguyễn Thị Hồng | Hải | Nữ | 10.05.2000 | Phú Thọ | | |
| 20 | B00232 | Nguyễn Thị | Hằng | Nữ | 26.08.2000 | Bắc Ninh | | |
| 21 | B00233 | Vũ Thị Thanh | Hằng | Nữ | 18.11.2002 | Bắc Kạn | | |
| 22 | B00234 | Lương Thị | Hạnh | Nữ | 03.07.2002 | Nghệ An | | |
| 23 | B00235 | Nguyễn Văn | Hậu | Nam | 18.10.2000 | Thái Bình | | |
| 24 | B00236 | Nguyễn Thị Thanh | Hiền | Nữ | 17.04.2001 | Bắc Giang | | |

Số thí sinh theo danh sách: 24

Số thí sinh dự thi:

*Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……*

**Giám thị 1**
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

## Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

*Thời gian: 13h30 ngày 04/08/2024*

| STT | SBD | HỌ | TÊN | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH | NƠI SINH | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B00237 | Nguyễn Thị | Hiền | Nữ | 22.09.1985 | Hà Nam | | |
| 2 | B00238 | Nguyễn Thị | Hiền | Nữ | 16.01.1989 | Ninh Bình | | |
| 3 | B00239 | Nguyễn Khắc | Hiệp | Nam | 21.05.1999 | Bắc Ninh | | |
| 4 | B00240 | Lê Minh | Hiếu | Nam | 02.02.2002 | Hà Tĩnh | | |
| 5 | B00241 | Nguyễn Gia | Hiếu | Nam | 24.04.2001 | Phú Thọ | | |
| 6 | B00242 | Phạm Minh | Hiếu | Nam | 01.06.2004 | Bắc Giang | | |
| 7 | B00243 | Võ Văn | Hoàng | Nam | 23.07.1993 | Nghệ An | | |
| 8 | B00244 | Đỗ Ngọc | Hoàng | Nam | 25.05.2002 | Hòa Binh | | |
| 9 | B00245 | Trần Quang | Hoàng | Nam | 12.05.2001 | Bắc Ninh | | |
| 10 | B00246 | Lê Thị | Hồng | Nữ | 05.08.1985 | Thanh Hóa | | |
| 11 | B00247 | Nguyễn Thị Minh | Huệ | Nữ | 22.05.1984 | Nghệ An | | |
| 12 | B00248 | Trịnh Thị Phương | Huệ | Nữ | 03.07.2002 | Nam Định | | |
| 13 | B00249 | Bùi Đức | Hùng | Nam | 05.07.1987 | Hà Nội | | |
| 14 | B00250 | Đặng Thế | Hưng | Nam | 09.06.2002 | Bắc Giang | | |
| 15 | B00251 | Phạm Duy | Hưng | Nam | 02.07.1990 | Hà Nội | | |
| 16 | B00252 | Nguyễn Thị Lan | Hương | Nữ | 31.01.2002 | Bắc Giang | | |
| 17 | B00253 | Nguyễn Thị Mai | Hương | Nữ | 22.02.1994 | Bắc Giang | | |
| 18 | B00254 | Nguyễn Thị | Hường | Nữ | 15.02.2004 | Bắc Ninh | | |
| 19 | B00255 | Đặng Lâm Quốc | Huy | Nam | 28.10.2001 | Hải Dương | | |
| 20 | B00256 | Bùi Hữu | Khuyến | Nam | 01.11.2002 | Tuyên Quang | | |
| 21 | B00257 | Phan Trung | Kiên | Nam | 26.07.1997 | Phú Thọ | | |
| 22 | B00258 | Phạm Văn | Kiên | Nam | 11.05.2001 | Thái Bình | | |
| 23 | B00353 | Dương Thị Hoài | Kim | Nữ | 07.01.2001 | Hà Tây | | |
| 24 | B00354 | Phùng Thị | Lý | Nữ | 22.04.2001 | Hà Tây | | |

Số thí sinh theo danh sách: 24

Số thí sinh dự thi:

*Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….*

**Giám thị 1**
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

## Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

*Thời gian: 13h30 ngày 04/08/2024*

| STT | SBD | HỌ | TÊN | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH | NƠI SINH | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B00259 | Trần Thị Thúy | Kiều | Nữ | 03.09.2002 | Nam Định | | |
| 2 | B00260 | Đào Thị | Lan | Nữ | 27.01.2002 | HÀ Nội | | |
| 3 | B00261 | Phạm Thùy | Linh | Nữ | 27.12.2000 | Hà Nội | | |
| 4 | B00262 | Nguyễn Thùy | Linh | Nữ | 26.08.1994 | Hà Giang | | |
| 5 | B00263 | Nguyễn Thùy | Linh | Nữ | 12.06.1998 | Hà Nội | | |
| 6 | B00264 | Chử Phương | Loan | Nữ | 07.10.1992 | Hà Nội | | |
| 7 | B00265 | Tạ Bích | Loan | Nữ | 01.01.2002 | Bắc Giang | | |
| 8 | B00266 | Nguyễn Thị | Loan | Nữ | 09.12.1992 | Hưng Yên | | |
| 9 | B00267 | Lê Khắc | Lợi | Nam | 03.10.2001 | Nghệ An | | |
| 10 | B00268 | Thái Bảo | Long | Nam | 06.03.2000 | Hà Nội | | |
| 11 | B00269 | Nguyễn Thành | Long | Nam | 03.05.1996 | Hà Nội | | |
| 12 | B00270 | Bùi Nhật | Long | Nam | 01.12.2000 | Quảng Ninh | | |
| 13 | B00271 | Võ Cẩm | Ly | Nữ | 02.10.2002 | Nghệ An | | |
| 14 | B00272 | Trần Ngọc | Mai | Nữ | 19.04.2003 | Hà Nội | | |
| 15 | B00273 | Lê Thị | Mai | Nữ | 05.12.1987 | Thanh Hóa | | |
| 16 | B00274 | Nguyễn Huyền | My | Nữ | 12.01.2001 | Hà Nội | | |
| 17 | B00275 | Trần Huyền | My | Nữ | 15.10.1999 | Hà Nội | | |
| 18 | B00276 | Trần Thị Lê | Na | Nữ | 19.06.2002 | Nghệ An | | |
| 19 | B00277 | Đặng Thị | Nga | Nữ | 03.03.1990 | Bắc Ninh | | |
| 20 | B00278 | Hồ Thị Thúy | Nga | Nữ | 12.07.2003 | Hà Nội | | |
| 21 | B00279 | Ngô Thị Ngọc | Ngà | Nữ | 06.03.1982 | Hà Nội | | |
| 22 | B00280 | Trần Hiếu | Ngân | Nữ | 18.07.2001 | Hà Nội | | |
| 23 | B00355 | Lê Nguyễn Hải | Minh | Nữ | 19.01.2002 | Hải Phòng | | |
| 24 | B00356 | Trần Thị Trà | My | Nữ | 15.02.2002 | Nam Định | | |

Số thí sinh theo danh sách: 24

*Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….*

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

## Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

*Thời gian: 13h30 ngày 04/08/2024*

| STT | SBD | HỌ | TÊN | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH | NƠI SINH | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B00281 | Trần Thị | Ngân | Nữ | 28.05.1999 | Vĩnh Phúc | | |
| 2 | B00282 | Nguyễn Ngọc Minh | Nghi | Nữ | 07.08.2003 | Quảng Ngãi | | |
| 3 | B00283 | Lại Thị | Ngọc | Nữ | 12.10.2002 | Hà Nam | | |
| 4 | B00284 | Nguyễn Tuấn | Ngọc | Nam | 06.11.2001 | Hà Nội | | |
| 5 | B00285 | Hoàng Thị | Ngọc | Nữ | 28.11.1981 | Hà Nội | | |
| 6 | B00286 | Đinh Văn | Nguyên | Nam | 14.10.1975 | Sơn La | | |
| 7 | B00287 | Nguyễn Thị Thu | Nguyệt | Nữ | 30.10.2002 | Sơn La | | |
| 8 | B00288 | Nguyễn Thị Minh | Nguyệt | Nữ | 14.02.2001 | Bắc Ninh | | |
| 9 | B00289 | Nguyễn Minh | Nguyệt | Nữ | 21.05.2002 | Hà Nội | | |
| 10 | B00290 | Dương Thị | Nhi | Nữ | 29.09.2001 | Thanh Hóa | | |
| 11 | B00291 | Ngô Thị | Nhung | Nữ | 23.09.1998 | Hà Nội | | |
| 12 | B00292 | Bùi Trang | Nhung | Nữ | 16.03.2000 | Quảng Ninh | | |
| 13 | B00293 | Trần Thị | Phúc | Nữ | 18.09.2001 | Nam Định | | |
| 14 | B00294 | Mai Thị | Phương | Nữ | 09.06.2002 | Hà Nam | | |
| 15 | B00295 | Trần Thị Thu | Phương | Nữ | 19.11.2002 | Hà Nam | | |
| 16 | B00296 | Trần Hoài | Phương | Nữ | 05.05.2002 | Ninh Bình | | |
| 17 | B00297 | Nguyễn Thu | Phương | Nữ | 15.06.2000 | Vĩnh Phúc | | |
| 18 | B00298 | Hà Tú | Phương | Nữ | 14.12.2002 | Thái Bình | | |
| 19 | B00299 | Nguyễn Thu | Phương | Nữ | 28.06.1987 | Hưng Yên | | |
| 20 | B00300 | Ngô Bích | Phương | Nữ | 03.10.2002 | Bắc Ninh | | |
| 21 | B00301 | Đào Thị | Phượng | Nữ | 09.12.2000 | Hà Nội | | |
| 22 | B00302 | Lò Thị Quý | Phượng | Nữ | 16.03.2002 | Điện Biện | | |
| 23 | B00357 | Hồ Thị Yến | Nhi | Nữ | 05.11.2002 | Nghệ An | | |
| 24 | B00358 | Trương Công | Quân | Nam | 16.01.2002 | Hải Phòng | | |

Số thí sinh theo danh sách: 24

Số thí sinh dự thi:

*Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……*

**Giám thị 1**
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

## Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

*Thời gian: 13h30 ngày 04/08/2024*

| STT | SBD | HỌ | TÊN | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH | NƠI SINH | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B00303 | Nguyễn Văn | Quang | Nam | 26.07.1998 | Vĩnh Phúc | | |
| 2 | B00304 | Nguyễn Thị | Quý | Nữ | 09.09.2001 | Nam Định | | |
| 3 | B00305 | Vy Thị | Quyên | Nữ | 16.02.2001 | Bắc Kạn | | |
| 4 | B00306 | Cao Thảo | Quyên | Nữ | 30.10.2002 | Thanh Hóa | | |
| 5 | B00307 | Ngân Văn | Quỳnh | Nam | 02.01.2001 | Yên Bái | | |
| 6 | B00308 | Trần Thị | Quỳnh | Nữ | 30.09.2002 | Bắc Giang | | |
| 7 | B00309 | Trần Văn | Sang | Nam | 27.03.1997 | Thái Bình | | |
| 8 | B00310 | Đào Hữu | Sơn | Nam | 17.10.1982 | Thái Nguyên | | |
| 9 | B00311 | Mai Kim | Sơn | Nam | 26.06.2001 | Nam Định | | |
| 10 | B00312 | Nguyễn Ngọc | Thạch | Nam | 03.12.2002 | Hà Tây | | |
| 11 | B00313 | Lò Văn | Thái | Nam | 05.03.1977 | Sơn La | | |
| 12 | B00314 | Phạm Thị Hồng | Thắm | Nữ | 09.10.1992 | Tuyên Quang | | |
| 13 | B00315 | Triệu Thị Minh | Thanh | Nữ | 17.08.2001 | Tuyên Quang | | |
| 14 | B00316 | Cù Đức | Thành | Nam | 13.07.2002 | Yên Bái | | |
| 15 | B00317 | Nguyễn Trung | Thành | Nam | 04.07.2000 | Điện Biên | | |
| 16 | B00318 | Nguyễn Thanh | Thảo | Nữ | 25.10.2002 | Bắc Giang | | |
| 17 | B00319 | Phạm Thị | Thảo | Nữ | 07.02.1982 | Ninh Bình | | |
| 18 | B00320 | Phạm Thị Thanh | Thảo | Nữ | 14.04.2001 | Bắc Ninh | | |
| 19 | B00321 | Nông Thị Phương | Thảo | Nữ | 06.11.2001 | Cao Bằng | | |
| 20 | B00322 | Bàn Thị Kim | Thoa | Nữ | 06.06.2002 | Bắc Kạn | | |
| 21 | B00323 | Nguyễn Thị | Thu | Nữ | 13.08.1984 | Bắc Ninh | | |
| 22 | B00324 | Hoàng Thị | Thu | Nữ | 26.08.2002 | Quảng Ninh | | |
| 23 | B00359 | Lê Thu | Thao | Nữ | 16.03.1999 | Hà Nội | | |
| 24 | B00360 | Nguyễn Thị Phương | Thảo | Nữ | 18.04.1998 | Hà Tây | | |

Số thí sinh theo danh sách: 24

*Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……*

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

## Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)

*Thời gian: 13h30 ngày 04/08/2024*

| STT | SBD | HỌ | TÊN | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH | NƠI SINH | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B00325 | Vũ Trí | Thư | Nam | 01.06.2001 | Bắc Giang | | |
| 2 | B00326 | Phan Đức | Thuận | Nam | 28.01.1987 | Nam Định | | |
| 3 | B00327 | Phùng Thị Ngọc | Thương | Nữ | 18.09.2002 | Hà Nội | | |
| 4 | B00328 | Phạm An | Thuyên | Nam | 02.09.1986 | Thanh Hóa | | |
| 5 | B00329 | Hồ Thanh | Tình | Nữ | 05.10.2002 | Thái Bình | | |
| 6 | B00330 | Đào Thị Thu | Trang | Nữ | 24.04.1995 | Hải Phòng | | |
| 7 | B00331 | Nguyễn Thị Thúy | Trang | Nữ | 10.08.2002 | Ninh Bình | | |
| 8 | B00332 | Nguyễn Thị Thu | Trang | Nữ | 06.07.1997 | Nam Định | | |
| 9 | B00333 | Trần Thu | Trang | Nữ | 20.06.1995 | Hưng Yên | | |
| 10 | B00334 | Trần Thị Huyền | Trang | Nữ | 16.01.1990 | Thái Bình | | |
| 11 | B00335 | Bùi Thị | Trinh | Nữ | 10.03.2002 | Thanh Hóa | | |
| 12 | B00336 | Hoàng Thị Cẩm | Tú | Nữ | 23.09.2002 | Hà Nội | | |
| 13 | B00337 | Vũ Đình | Tuấn | Nam | 17.01.2001 | Hải Dương | | |
| 14 | B00338 | Dương Văn | Tuấn | Nam | 19.06.2001 | Thái Nguyên | | |
| 15 | B00339 | Nguyễn Bá | Tuấn | Nam | 03.09.2002 | Hưng Yên | | |
| 16 | B00340 | Nguyễn Thị Thu | Uyên | Nữ | 09.06.2003 | Thái Nguyên | | |
| 17 | B00341 | Hoàng Tuấn | Việt | Nam | 30.08.1992 | Hải Dương | | |
| 18 | B00342 | Nguyễn Duy Hoàng | Việt | Nam | 17.09.2002 | Hà Nội | | |
| 19 | B00343 | Nguyễn Thành | Vinh | Nam | 29.04.1998 | Hà Nội | | |
| 20 | B00344 | Bùi Tiến | Vinh | Nam | 18.06.1991 | Vĩnh Phúc | | |
| 21 | B00345 | Đỗ Hồng | Vy | Nữ | 10.07.2002 | Hà Nội | | |
| 22 | B00346 | Đào Thị Minh | Xuân | Nữ | 04.02.2002 | Hà Nội | | |
| 23 | B00347 | Vũ Hoàng | Yến | Nữ | 12.05.2002 | Thái Bình | | |
| 24 | B00348 | Nguyễn Thùy | Linh | Nữ | 11.11.2003 | Lai Châu | | |
| 25 | B00349 | Hà Thị | Huyền | Nữ | 27.02.2003 | Lai Châu | | |
| 26 | B00350 | Nghiêm Thị Hoài | Thương | Nữ | 01.01.2002 | Hà Tĩnh | | |
| 27 | B00050 | Hoàng Thu | Hằng | Nữ | 14.08.1999 | Yên Bái | | |
| 28 | B00361 | Bùi Văn | Tuấn | Nam | 14.04.2002 | Thanh Hóa | | |
| 29 | B00362 | Vì Văn | Tấm | Nam | 17.03.1980 | Sơn La | | |
| 30 | B00363 | Nguyễn Thị | Hòa | Nữ | 30.04.1974 | Sơn La | | |

Số thí sinh theo danh sách: 30

Số thí sinh dự thi:

*Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……*

**Giám thị 1**
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**
(ký và ghi rõ họ tên)